

Đ L, ngày 27 tháng 01 năm 2021

Số: 34/2021/QĐST -HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 804/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 5/23, đường T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Đinh Hoài T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 06, đường N, Phường A, thành phố Đ, tỉnh L.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thanh M và anh Đinh Hoài T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh M và anh Đinh Hoài T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Đinh Ngọc Minh N, sinh ngày 24/10/2009 và Đinh Ngọc Tuấn M, sinh ngày

03/5/2013, ly hôn chị M và T thống nhất giao 02 con chung Đinh Ngọc Minh N và Đinh Ngọc Tuấn M cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị M thỏa thuận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003448 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Hoàn trả cho chị M 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND Phường A, thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lan

